TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Khóa K153

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
1	Lê Thị Thục	Anh	15125008	19/03/1997	05	WS901	2.90	
2	Lưu Thị Vân	Anh	15128004	10/11/1996	05	WS902	4.30	
3	Nguyễn Thị Nguyên	Anh	13113008	03/02/1995	05	WS701	6.50	x
4	Nguyễn Thị Vân	Anh	15126003	19/10/1997	05	WS903	5.00	x
5	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	14112018	27/10/1996	05	WS702	6.50	x
6	Vũ Thái	Bình	10145012	14/05/1992	05	WS905	3.40	
7	Nguyễn Thị Ngọc	Cẩm	15422003	18/12/1994	05	WS703	7.50	x
8	Đỗ Thái	Cường	14112034	08/12/1996	05	WS906	9.50	x
9	Nguyễn Thị Bích	Dân	14154079	02/12/1996	05	WS704	6.10	x
10	Nguyễn Lê	Danh	14121002	24/09/1996	05	WS801	5.00	x
11	Nguyễn Thị Dương H	Diễm	15126014	10/02/1997	05	WS907	5.90	x
12	Bơ Nah Ria Bone	Dim	13114016	14/06/1993	05	WS908	6.00	x
13	Trần Thị Thùy	Dung	14125054	26/06/1996	05	WS803	8.40	x
14	Đặng Tiến	Dũng	10126232	05/10/1983	05	WS909	0.30	
15	Thái Phương Bảo	Duy	13125077	01/01/1995	05	WS705	8.00	x
16	Trương Thị Mỹ	Duyên	15115031	08/08/1997	05	WS910	6.00	x
17	Phạm Thị	én	14112066	10/06/1996	05	WS804	7.60	x
18	Nguyễn Thị Hoàng	Giang	15125049	19/11/1997	05	WS805	5.90	x
19	Nguyễn Thị Hoàng	Giang	15125050	04/10/1997	05	WS806	6.30	x
20	Võ Trường	Giang	14121053	05/04/1996	05	WS807	9.50	x
21	Nguyễn Ngọc	Hân	15111036	03/06/1997	05	WS706	6.30	x
22	Lê Thị	Hậu	14115029	02/12/1995	05	WS808	6.60	x
23	Hồ Hà Hồng	Hạnh	15125060	01/01/1997	05	WS810	7.60	x
24	Lê Thị Mỹ	Hạnh	14139048	11/12/1996	05	WS707	8.10	x
25	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	15125062	25/12/1997	05	WS911	6.40	x
26	Lê Kim	Hà	15422014	05/12/1993	05	WS708	1.00	
27	Nguyễn Thị Thu	Hà	15422016	12/09/1993	05	WS811	1.90	
28	Nguyễn Trọng	Hiếu	14121058	02/11/1991	05	WS812	6.80	x
29	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	15125070	05/10/1997	05	WS709	5.90	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Khóa K153

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
30	Trương Thị Thanh	Hoa	14112104	16/06/1996	05	WS710	5.00	x
31	Võ Thị	Hồng	15125074	01/09/1997	05	WS912	5.80	x
32	Ngô Minh	Hoàng	14125122	14/11/1996	05	WS711	6.90	x
33	Vũ Thị	Hương	15111056	18/04/1997	05	WS712	7.60	x
34	Trần Ngọc Duy	Hữu	14125160	06/02/1996	05	WS713	6.50	x
35	Hà Thụy Vân	Hy	14128048	04/10/1996	05	WS913	9.00	x
36	Nguyễn An	Khang	12112134	28/03/1994	05	WS914	7.00	x
37	Nguyễn Hoàng	Lâm	13112133	30/06/1995	05	WS915	9.00	x
38	Nguyễn Quang	Lâm	15111065	01/07/1997	05	WS714	5.60	x
39	Lê Thị Mỹ	Linh	15111069	24/08/1996	05	WS916	4.00	
40	Nguyễn Lâm	Linh	14124126	01/11/1996	05	WS814	3.10	
41	Trần Lan Hương Huyền	Ly	15125123	05/10/1997	05	WS815	4.30	
42	Lê Xuân	Mến	11336135	04/11/1993	05	WS917	3.50	
43	Đinh Thị Triều	Mến	13149233	06/10/1995	05	WS715	6.50	x
44	Trần Đỗ	Đạt	15139017	10/12/1997	05	WS918	3.30	
45	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	14125237	23/11/1996	05	WS716	5.50	x
46	Tống Thị Hồng	Đào	14124049	13/10/1995	05	WS717	5.90	x
47	Đào Thị	Ngân	14112189	21/03/1993	05	WS816	5.00	x
48	Nguyễn Trọng	Nghĩa	14125261	12/07/1996	05	WS718	6.60	x
49	Cao Khánh	Ngọc	13111590	31/01/1994	05	WS919	8.00	x
50	Đỗ Khôi	Nguyên	15111081	30/05/1997	05	WS719	7.10	x
51	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	13125732	05/01/1995	05	WS920	2.60	
52	Dương Trọng	Nhân	15422033	10/05/1993	05	WS720	4.10	
53	Lê Thành	Nhân	14112215	03/04/1993	05	WS721	6.00	x
54	Trần Thị Thu	Nhàn	15149094	14/04/1997	05	WS817	8.00	x
55	Bùi Thị Yến	Nhi	15139085	10/01/1997	05	WS818	7.60	x
56	Huỳnh Thị Kim	Nhi	15125151	20/04/1997	05	WS819	5.40	x
57	Lê Thị	Nhi	15125152	11/10/1997	05	WS820	2.60	
58	Nguyễn Huỳnh	Như	14112231	30/06/1996	05	WS722	8.10	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Khóa K153

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
59	Trần Ngọc Thảo	Như	15122152	08/04/1997	05	WS921	7.00	x
60	Nguyễn Văn	Nhơn	14115090	11/03/1996	05	WS723	5.40	x
61	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	14112225	21/04/1996	05	WS724	8.00	x
62	Trần Thị Thùy	Nhung	13112211	06/04/1995	05	WS725	8.50	x
63	H' Hân	Niê	14124492	12/05/1995	05	WS821	5.50	x
64	Huỳnh Hoa	Điệp	15111026	01/05/1997	05	WS726	5.00	x
65	Dương Kim	Phụng	12363292	20/04/1994	05	WS727	2.50	
66	Bạch Hồng	Phúc	13126237	25/11/1995	05	WS922	1.30	
67	Nguyễn Hào	Phúc	15112115	29/05/1996	05	WS822	7.80	x
68	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	11126183	17/10/1993	05	WS728	4.00	
69	Nguyễn Thị Kim	Quy	15120140	17/08/1997	05	WS823	8.50	x
70	Trần Huy	Rin	11146073	10/02/1993	05	WS923	0.50	
71	Trần Diệu Thanh	Sang	14125353	15/12/1995	05	WS729	4.50	
72	Tạ Quốc	Sơn	14126203	01/01/1996	05	WS924	7.50	x
73	Phạm Bá	Tân	14115234	01/01/1996	05	WS730	3.10	
74	Vũ Đức	Tân	13112275	06/11/1995	05	WS925	7.10	x
75	Lê Hữu	Tài	12126237	14/02/1994	05	WS731	7.50	x
76	Đặng Thị	Thẩn	15111133	11/01/1997	05	WS732	7.00	x
77	Nguyễn Huỳnh Nguyệt	Thanh	15111135	07/06/1997	05	WS733	7.10	x
78	Phạm Bích	Thanh	14124292	01/08/1996	05	WS824	5.90	x
79	Phan Văn	Thành	11116075	12/04/1993	05	WS926	0.60	
80	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	14124298	28/09/1996	05	WS734	7.40	x
81	Nguyễn Thị Phương	Thi	15120163	17/03/1996	05	WS825	8.00	x
82	Nguyễn Thị Minh	Thư	15139120	13/09/1997	05	WS826	7.00	x
83	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	15125237	16/08/1996	05	WS828	2.60	
84	Huỳnh Thị Thu	Thủy	13155263	20/02/1995	05	WS928	3.50	
85	Lê Thị Thanh	Thủy	12112045	30/01/1994	05	WS929	6.00	x
86	Nguyễn Thị	Thủy	14125410	08/02/1996	05	WS829	8.10	x
87	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	15111147	15/05/1997	05	WS735	6.50	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Khóa K153

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
88	Võ Nguyễn Thu	Thủy	13122168	11/01/1995	05	WS830	6.50	x
89	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	15125246	08/04/1997	05	WS831	8.90	x
90	Trần Huỳnh Bạch Th	Tiên	14112309	30/05/1996	05	WS736	6.00	x
91	Trần Thị Á	Tiên	15111151	02/08/1997	05	WS930	1.10	
92	Bùi Mai Ngọc	Trâm	14124375	29/10/1996	05	WS833	8.00	x
93	Lê Thị Ngọc	Trâm	15126154	04/11/1997	05	WS931	7.00	x
94	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	15126155	26/06/1997	05	WS834	6.50	x
95	Bùi Hoàng Quỳnh	Trang	15122233	09/12/1997	05	WS932	6.10	x
96	Đặng Thị Thu	Trang	13155275	02/02/1995	05	WS933	5.50	x
97	Nguyễn Thị Bảo	Trang	15125262	24/06/1997	05	WS835	5.40	x
98	Phan Thị	Trang	14112327	12/04/1996	05	WS737	7.50	x
99	Cao Thị Kiều	Trinh	14124384	26/02/1996	05	WS836	7.10	x
100	Huỳnh Thị Ngọc	Trinh	13112601	10/10/1995	05	WS934	7.00	x
101	Phan Nguyên Vĩnh	Trinh	13112602	26/04/1995	05	WS935	7.00	x
102	Trần Thị Lệ	Trinh	14115260	22/09/1996	05	WS837	7.50	x
103	Hồ Nguyễn Trần	Trung	11112229	18/06/1993	05	WS838	1.60	
104	Hoàng Ngọc Thủy	Trúc	14125476	28/07/1996	05	WS738	6.50	x
105	Nguyễn Ngọc	Tú	15422044	06/12/1991	05	WS936	5.10	x
106	Huỳnh Cao	Tuyên	10122183	15/09/1991	05	WS937	6.40	x
107	Đồng Nhựt Khánh	Vân	13112375	15/09/1995	05	WS839	4.40	
108	Phùng Thị Mỹ	Vân	14125510	15/04/1995	05	WS739	3.50	
109	Võ Thị Thúy	Vân	15120212	14/03/1997	05	WS938	3.30	
110	Nguyễn Việt	Vương	12111157	07/03/1994	05	WS939	6.00	x
111	Phạm Nguyễn Anh	Vũ	12125554	03/10/1992	05	WS940	7.50	x
112	Nguyễn Thị Tường	Vy	15125288	29/08/1997	05	WS840	2.90	
113	Lê Thị Như	ý	13111129	10/07/1995	05	WS740	4.50	

TRUNG TÂM TIN HỌC